

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa

Tập 2

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin ngồi xuống. Xin hãy xem Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải.

Ba chữ Hội Tập Bản chẳng cần đến, từ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải bèn có thể hiểu rõ. Chúng ta dùng bản này do lão cư sĩ Hạ Liên Cư ở huyện Vận Thành, tỉnh Sơn Đông hội tập, người chú giải là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Cụ Hoàng cũng là một vị Kim Cang Thượng Sư bên Mật Tông. Chú giải có tất cả bốn quyển, nay chúng ta in thành một tập. Bản quý vị vừa xem, tức là bản tôi đang cầm đây được chỉnh lý vào năm ngoái. Bản này được lưu thông rất nhiều, trong ngoài nước, hồi mười năm trước, chúng tôi in lần đầu một vạn bản. Sau này, gần như hàng năm đều có số lượng bản in tương đương được lưu thông. Xin xem quyển thứ nhất. Chúng ta học tập lần này, hoàn toàn học tập bản chú giải của cụ Hoàng. Chúng ta báo đáp vị lão nhân này lúc tuổi già đã một phen khổ tâm, kế thừa hoàng nguyện của thầy, mong muốn Tịnh Tông được vĩnh viễn truyền thừa. Trong ngày hôm qua, chúng tôi đã báo cáo nhân duyên này với quý vị.

Hôm nay chúng ta xem quyển thứ nhất. *“Tùng tiền ngôn, khái yếu, chí chánh thích kinh văn đệ nhất phẩm chí đệ tam phẩm”* (Từ lời nói đầu, phần khái yếu cho tới phần giải thích chánh kinh từ phẩm thứ nhất tới phẩm thứ ba), cho biết nội dung quyển thứ nhất là giảng đến phẩm thứ ba [của chánh kinh]. Cả bộ kinh có bốn mươi tám phẩm. Trước hết, chúng ta xem phần thứ nhất là Tiền Ngôn (lời nói đầu). *“Phù Tịnh Độ pháp môn giả, nãi Nhất Thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy, tam căn phổ bị, phàm thánh tề thâm, hoành siêu tam giới, kính đặng tứ độ, cực viên cực đốn, bất khả tư nghị chi vi diệu pháp môn dã”* (Pháp môn Tịnh Độ là Nhất Thừa liễu nghĩa, muôn điều thiện cùng quy vào, độ khắp ba căn, phàm lẫn thánh đều được tiếp độ, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, mau chóng vượt lên bốn cõi, cực viên, cực đốn, là pháp môn vi diệu chẳng thể nghĩ bàn). Đoạn mở đầu này là một tiểu đoạn nhằm tán thán Tịnh Độ, tán thán Tịnh Độ đến tột bậc. Có đúng là như vậy hay chẳng? Phật Thích Ca giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, trong bốn mươi chín năm nói rất nhiều kinh, bộ kinh nào trọng yếu nhất, kinh nào là kinh bậc nhất? Chúng ta nghĩ như vậy, chẳng biết cổ nhân đã sớm có cách nói như vậy. Trong thời đại Tùy - Đường, các vị đại đức phương Đông lẫn phương Tây, phương Đông là những cao tăng, tổ sư đại đức Trung Quốc, phương Tây là các vị đại

sư từ Ấn Độ sang phương Đông truyền đạo, dịch kinh. Trong đó, còn bao gồm các đại đức Nhật Bản hay Hàn Quốc tới học ở Trung Quốc. Sau đó, họ trở về nước, đều thành bậc tông sư trong nước mình, như mười ba tông phái của Nhật Bản¹ đều từ Trung Quốc truyền sang. Đi về phương Nam còn bao gồm Việt Nam; do vậy, Phật giáo Việt Nam cũng từ Trung Quốc truyền sang. Thuở ấy, có tổ sư đại đức nêu ra câu hỏi như thế này: Trong các bộ kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào có thể đại diện cho kinh giáo cả một đời đức Thế Tôn? Các vị đại đức gần như đều công nhận Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, mọi người công nhận. Bất luận tông, phái nào cũng đều thừa nhận. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm biến thành căn bản pháp luân trong Phật pháp, giống như một cây to, đây là cội, đây là rễ, tất cả các chi phái đều từ căn bản này mà phát triển ra. Lại truy cứu đến chỗ cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm là căn bản, chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là mười đại nguyên vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Đây là khí tượng² như thế nào?

Bốn Sư của thế giới Hoa Tạng là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Văn Thù, Phổ Hiền giúp Tỳ Lô Giá Na Phật giáo hóa chúng sanh, họ là hai đại đệ tử thủ lãnh trong hàng đệ tử. Văn Thù chủ trì Giải Môn, tượng trưng cho trí huệ; Phổ Hiền chủ trì Hạnh Môn, tượng trưng cho tu chứng. Một đẳng là Hạnh Môn, một đẳng là Giải Môn. Đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát, kinh Hoa Nghiêm lấy Thiện Tài đồng tử làm đại biểu, dùng mười đại nguyên vương dẫn về Cực Lạc. Qua kinh điển, chúng ta thấy hai vị Bồ Tát này: Văn Thù là thầy của bảy vị Phật, học trò đều thành Phật, nhiều người đã thành Phật, lão nhân gia vẫn giữ thân phận Bồ Tát, vẫn phù tá Tỳ Lô Giá Na Phật dạy dỗ hàng Pháp Thân đại sĩ, từ bi đến tột bậc! Đây gọi “*đạo giá Từ hàng*” (thả chiếc bè Từ). Ngài đã thành Phật, bèn lui xuống địa vị Bồ Tát, điều này có ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu. Phật dạy chúng sanh chẳng dễ, vì sao? Phật tượng trưng cho bản thể, tượng trưng Pháp Tánh. Pháp Tánh không có tướng, Pháp Tánh là gì? Pháp Tánh là Thường Tịch Quang. Chúng ta gọi cõi cao nhất trong bốn cõi Tịnh Độ là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, “*thường*

1 Mười ba tông phái của Phật giáo Nhật Bản là 1) Hoa Nghiêm Tông (do Lương Biện sáng lập). 2) Thiên Đài Tông (do Tối Trừng sáng lập). 3) Pháp Tướng Tông (do Đạo Chiêu sáng lập). 4) Luật Tông (do Giám Chân sáng lập). 5) Lâm Tế Tông (do Vinh Tây sáng lập). 6) Tào Động Tông (do Đạo Nguyên và Oánh Sơn sáng lập). 7) Hoàng Bá Tông (do Ấn Nguyên Long Kỳ sáng lập). 8) Nhật Liên Tông (do Nhật Liên sáng lập). 9) Dung Thông Niệm Phật Tông (do Lương Nhẫn sáng lập). 10) Thời Tông (do Nhất Biến sáng lập). 11) Tịnh Độ Tông (do Pháp Nhiên sáng lập). 12) Tịnh Độ Chân Tông (do Thân Loan sáng lập). 13) Chân Ngôn Tông (do Không Hải sáng lập). Tuy có mười ba tông, nhưng nếu xét đến pháp môn hành trì và kinh điển chánh yếu làm chỗ y cứ thì chỉ có bảy tông là Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm Tông), Thiên Thai (Thiên Đài Tông, Nhật Liên Tông), Duy Thức (Pháp Tướng Tông), Luật Tông, Thiền Tông (Lâm Tế, Tào Động, Hoàng Bá), Tịnh Độ (Dung Thông Niệm Phật Tông, Thời Tông, Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Chân Tông) và Mật Tông (Chân Ngôn Tông).

2 Chữ Khí Tượng ở đây không có nghĩa là thời tiết mà có nghĩa là bối cảnh, tình huống chung.

tịch” chỉ Pháp Tánh. Thường Tịch Quang chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần; cả hai phương diện này đều chẳng bàn luận được, do không có cách nào, nên gọi nó là Thường Tịch Quang. “*Thường*” là vĩnh hằng bất biến, chữ Thường mang ý nghĩa này! “*Tịch*” là thanh tịnh tịch diệt. Quý vị thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã kiến tánh, câu nói đầu tiên là: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”, Tịch mang ý nghĩa này. Diệt là gì? Diệt là diệt hết thảy phiền não. Kinh Hoa Nghiêm gọi phiền não là “vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”. Trong giáo pháp Đại Thừa, vọng tưởng được gọi là Vô Minh phiền não, hoặc gọi là Căn Bản Vô Minh, phân biệt được gọi là Trần Sa phiền não; kinh Đại Thừa gọi chấp trước là Kiến Tư phiền não. Danh xưng khác nhau, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Đối với những điều kinh Hoa Nghiêm đã nói, chúng ta hiểu dễ dàng, nhưng rất khó thể hiểu nổi ý nghĩa chân thật, chúng ta hiểu theo kiểu nuốt trôi quả táo. Do vậy, Căn Bản Vô Minh, Trần Sa, Kiến Tư như kinh Đại Thừa đã nói chẳng dễ hiểu cho lắm, nhưng giảng giải sẽ trở nên dễ lý giải hơn. Do vậy, chúng ta biết: Những danh từ thuật ngữ trong kinh giáo là bất định, đức Phật chẳng có pháp nhất định để nói. Do vậy, chúng ta “*y nghĩa, chẳng y ngữ*”, quý vị phải hiểu ý nghĩa của chúng, đừng chấp trước nơi ngôn ngữ, văn tự, danh tướng, đều chẳng cần chấp trước. Hiểu những ý nghĩa được tượng trưng bởi chúng là được rồi!

Do vậy, chúng ta học Phật, phải biết tư tưởng trung tâm trong giáo pháp suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật là gì? Là Tịnh Độ. Trong hội Hoa Nghiêm, ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền suất lãnh bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ của thế giới Hoa Tạng, từ Sơ Trụ Bồ Tát đến Thập Địa Bồ Tát, kể cả Đẳng Giác là bốn mươi một địa vị; Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa bốn mươi địa vị, thêm địa vị Đẳng Giác, là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, đến nơi đâu? Đến thế giới Cực Lạc, lễ bái A Di Đà Phật. Quý vị hãy suy ngẫm cảnh giới này, sẽ thấy Tỳ Lô Giá Na Phật có lòng độ lượng rất lớn! Nếu nói theo chúng ta hiện thời, chúng ta theo một vị thầy, nghiêm nhiên phát hiện một vị thầy tốt đẹp, bèn dẫn hết các đồng học sang chỗ vị thầy kia, trong lòng vị thầy này sẽ nghĩ như thế nào? Chẳng phải là rất khó chịu ư? Đó là phản thầy, nghịch đạo! Không những Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng phản đối, mà Tỳ Lô Giá Na Phật còn vui vẻ: “Tốt! Các quý vị sang đó hay lắm! Sang gặp A Di Đà Phật”. Vì sao? A Di Đà Phật và Tỳ Lô Giá Na Phật bất nhị, là một, chẳng hai. Vì sao sang thế giới Cực Lạc? Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật có phương tiện thiện xảo, giúp quý vị tu hành chứng quả, rút ngắn thời gian rất nhiều. Trong thế giới Hoa Tạng, chúng ta nói về bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn phải mất thời gian bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói như thế này: Chẳng phải là tính từ hiện tại, chẳng phải vậy! Mà bắt đầu tính từ lúc quý vị minh tâm kiến tánh, chưa minh tâm kiến tánh chẳng tính! Minh tâm kiến tánh là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hay Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, bắt đầu tính từ ngày đó, cần thời gian dài ngàn ấy. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sao? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một ngày bèn viên mãn, đó gọi là gì? Niệm và kiếp viên dung chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, quý vị nói xem: Thế giới Cực Lạc rất thù thắng! Cho nên, cổ đại đức bảo: Khi truy cứu [đâu

lạ] tột đỉnh của Phật pháp, từ Hoa Nghiêm chúng ta truy tới Vô Lượng Thọ, kinh Hoa Nghiêm tới cuối cùng trở về kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ chuyên giảng thế giới Cực Lạc.

Kinh Vô Lượng Thọ có chín bản, có thể nói bản này của lão cư sĩ Hạ Liên Cư là bản hay nhất; trong năm bản dịch, bản này được coi là bản hoàn chỉnh nhất, đây là công trình tổng hợp hoàn thiện năm bản dịch gốc. Từ đời Tống trở đi, đã có người muốn làm chuyện này, Vương Long Thư hoàn thành đầu tiên. Trong phần sau, chúng tôi sẽ báo cáo tỉ mỉ. Ông ta hội tập khá lắm, nhưng vẫn có tỳ vết, chưa phải là tận thiện, tận mỹ. Về sau, trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm hội tập lần thứ hai, đương nhiên hay hơn bản của Vương Long Thư. Vương Long Thư chỉ đọc bốn bản dịch gốc, còn Ngụy Mặc Thâm xem trọn năm bản dịch gốc, hội tập cũng khá, nhưng vẫn chưa tận thiện, tận mỹ, trong ấy có vấn đề. Mãi cho tới cuối cùng, đầu thời Dân Quốc, lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập lần thứ ba. Rất lạ lùng, ba lần hội tập đều là tại gia cư sĩ, tại gia Bồ Tát, cho thấy pháp môn Tịnh Độ có duyên vô cùng thù thắng với kẻ tại gia, cho nên ba lần hội tập đều do hàng tại gia. Trong ấy, có nghĩa thú biểu thị pháp sâu xa, thành tựu thù thắng khôn sánh, trong những phần sau chúng ta sẽ thấy những điều này.

Mở đầu, cụ Hoàng giới thiệu với chúng ta, cụ bảo pháp môn này là Nhất Thừa Liễu Nghĩa. Kinh Nhất Thừa là gì? Chúng ta thường thấy Nhị Thừa, Nhị Thừa là Đại Thừa và Tiểu Thừa, đó gọi là Nhị Thừa. Tam Thừa là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa, tức là tách Tiểu Thừa thành Thanh Văn và Duyên Giác. Thanh Văn là A La Hán, Duyên Giác là Bích Chi Phật. Tách [Tiểu Thừa] thành hai, Bích Chi Phật cao hơn A La Hán một chút. Đó là Tam Thừa. Trong kinh Pháp Hoa, đức Thế Tôn đã nói rõ chư Phật Như Lai ứng hóa trong thế gian này để giáo hóa chúng sanh. Phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa có nói: “*Thập phương Phật độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*” (Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba, trừ Phật nói phương tiện). Bài kệ này hết sức trọng yếu, nói cách khác, đức Phật giảng Tam Thừa hay giảng Nhị Thừa là nói phương tiện; nói chân thật thì sao? Nói chân thật là pháp Nhất Thừa. Nhất Thừa là Phật thừa, nói cách khác, pháp môn này nhằm dạy người ta thành Phật, lại còn thành Phật ngay trong một đời; đó là pháp Nhất Thừa. Đại Thừa là thành Bồ Tát, trong một đời này, quý vị tu đến quả vị tối cao là Bồ Tát; đó là Đại Thừa. Nếu trong đời này, quý vị tu thành A La Hán hay tu thành Bích Chi Phật thì là Tiểu Thừa. Giống như chúng ta đi học, Nhất Thừa là gì? Nhất Thừa là lớp Tiến Sĩ nghiên cứu sinh. Trong đời này, quý vị đạt được học vị (degree) tối cao, Đại Thừa là lớp Thạc Sĩ (Cao Học, Master), Tiểu Thừa là Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor). Tốt nghiệp Đại Học là Học Sĩ. [Tam Thừa] là danh xưng của ba loại học vị trong Phật môn, cần phải biết điều này! Pháp môn nào có thể chứng đắc Phật quả rốt ráo trong một đời sẽ gọi là Nhất Thừa, pháp môn ấy cũng là pháp môn Nhất Thừa, kinh ấy cũng là kinh Nhất Thừa.

Trước hết, chúng tôi giảng chữ Nhất Thừa theo cách giải thích thông thường trong kinh Phật: Thừa (乘) là ví như cỗ xe, cỗ nhân dùng xe làm tỷ dụ. Đại Thừa là cỗ xe lớn. Thời cỗ, xe lớn là xe ngựa. Xe ngựa to, có thể ngồi được nhiều người. Tôi nhớ lúc nhỏ đi học tại Nam Kinh, đi học bằng xe ngựa, một cỗ xe ngựa chở được bao nhiêu học trò? Mười bốn đứa, ngồi xe ngựa đi học. Sau khi Kháng Chiến thắng lợi, xe ngựa vẫn còn. Sau khi Kháng Chiến thắng lợi, nhằm năm Dân Quốc 34 hay năm Dân Quốc 35 (1946), tôi học tại Nam Kinh, thuê ấy xe ngựa rất nhiều, xe bus không nhiều lắm. Tiểu Thừa là xe dê hay xe nai. Xe dê hay xe nai khá nhỏ, chỉ ngồi được một, hai người. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật dùng điều này làm tỷ dụ. “Thừa” có nghĩa là chuyên chở. “*Phật thuyết Nhất Thừa chi pháp, vị linh chúng sanh, y thử tu hành, xuất ly sanh tử khổ hải, vận chí Niết Bàn bỉ ngạn*” (Phật nói pháp Nhất Thừa để làm cho chúng sanh nương theo pháp này tu hành, thoát khỏi biển sanh tử, chở đến bờ Niết Bàn bên kia). Niết Bàn này là Niết Bàn rốt ráo. Niết Bàn của Tiểu Thừa cũng gọi là Niết Bàn, nhưng là Thiên Chân Niết Bàn. Tiểu Thừa thoát sanh tử là thoát khỏi sự sanh tử trong lục đạo luân hồi, cho nên họ chứng đắc Thiên Chân Niết Bàn. Đại Thừa lia hai thứ sanh tử: Loại thứ nhất là Phần Đoạn sanh tử, nay [thọ mạng của] chúng ta là từng thời kỳ, từng giai đoạn một. Loại thứ hai là Biến Dịch sanh tử. Biến Dịch sanh tử chẳng dễ hiểu. Ví như chúng ta đi học, chúng ta học lớp Một; học lớp Một xong, năm sau lên lớp Hai, lớp Một đã chết, lớp Hai bèn sanh, mang ý nghĩa này. Nói lên điều gì? Chúng ta đang đi trên đường Bồ Đề, bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tiểu Thừa có tám địa vị, theo kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa có bốn mươi một địa vị. Quý vị tiến lên từng bước một, vừa rời khỏi địa vị dưới, lên địa vị trên, bèn gọi là Biến Dịch. Biến Dịch chẳng phải là sanh tử thật sự. Vì sao dùng [danh từ] sanh tử? Sanh tử khổ lắm! Quý vị leo lên một lớp cũng rất khổ cực, phải làm bài tập, chẳng dễ gì lên lớp. Do vậy, quý cũng phải ném những nỗi khổ sở, mới có thể tiến cao hơn. Quý vị thấy một người từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, học tới nghiên cứu sinh, cũng phải học mất hai mươi mấy năm. Quý vị phải hứng chịu rất nhiều khổ sở mới có thể giành được học vị; đó là Biến Dịch sanh tử. Từ A La Hán trở lên, đã thoát khỏi lục đạo. Trong lục đạo có cả hai loại [sanh tử], Biến Dịch cũng có, mà Phần Đoạn cũng có. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới. Trong tứ thánh pháp giới có Biến Dịch, nhưng không có Phần Đoạn sanh tử. Trong lục đạo có nỗi khổ sanh tử, ngoài lục đạo chẳng có, nhưng có Biến Dịch. Tu hành cũng chẳng phải là chuyện rất dễ dàng, cũng phải nghiêm túc, nỗ lực, tinh tấn, lại còn phải buông xuống phân biệt, buông bỏ tập khí phân biệt, rồi buông vọng tưởng xuống. Buông vọng tưởng xuống, mười pháp giới chẳng còn, bèn đạt tới Nhất Chân pháp giới, đạt đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai.

Đức Thế Tôn đã có mục tiêu thật sự là mong cho hết thảy chúng sanh mau chóng thành Phật giống như Ngài; nhưng căn tánh của chúng sanh không giống nhau, mê hoặc có sâu hay cạn, tập khí khác nhau. Mê sâu, tập khí nặng, sẽ chẳng thể tiếp nhận pháp Đại Thừa, nên [đức Phật] bèn dùng pháp phương tiện. Ví như thầy và cha mẹ chúng ta

đều mong chúng ta đạt được học vị Tiến Sĩ, nhưng học vị Tiến Sĩ chẳng dễ gì đạt được, làm cách nào đây? Mở trường học, lập ra Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nâng [trình độ của] quý vị lên từ từ. Trung Học, Tiểu Học, Đại Học đều là phương tiện quyền xảo, chương trình Tiến Sĩ mới là mục tiêu thật sự, đức Phật dạy học cũng giống như vậy. Quý vị thấy đức Thế Tôn sau khi giác ngộ dưới cội Bồ Đề, đại triệt, đại ngộ, thuật bày viên mãn cảnh giới Ngài đã ngộ nhập, nói suốt mười bốn ngày. Mười bốn ngày ấy là nói trong Định, chúng ta thấy Phật Thích Ca nhập Định dưới cội Bồ Đề, đâu biết Ngài giảng kinh nơi đó, giảng kinh gì? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, là cảnh giới do chính Ngài chứng đắc. Chúng ta nhìn lại Trung Quốc, vào đời Đường, Huệ Năng đại sư cũng đã minh tâm kiến tánh. Trong phương trượng thất của hòa thượng Ngũ Tổ Nhân, Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang cho Sư. Huệ Năng đại sư không biết chữ, đương nhiên chẳng có quyển kinh, Tổ giảng đại ý Kim Cang Kinh, giảng đến chỗ “*Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (Đừng trụ vào đâu để sanh tâm), Sư đại triệt đại ngộ. Sư cũng nói ra cảnh giới của chính mình, thốt ra năm câu. Năm câu ấy chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói. Kinh Hoa Nghiêm rút gọn thành năm câu ấy, mà năm câu ấy triển khai sẽ thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.

Huệ Năng đại sư nói năm câu, câu đầu tiên là: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, không nghĩ đến, kiến tánh rồi, nào ngờ tánh vốn sẵn thanh tịnh, chưa từng bị ô nhiễm. Tự tánh của chúng ta có ô nhiễm hay không? Không! Ô nhiễm sẽ chẳng thật, sẽ biến thành đồ giả. Chúng ta nói ô nhiễm là thứ gì vậy? A Lại Da ô nhiễm, A Lại Da là vọng tâm; tự tánh là chân tâm, chân tâm chưa từng bị ô nhiễm. Do vậy, nhiễm là vọng tâm. Nay chúng ta đang mê, nhưng thật sự chẳng biết, ngỡ giả là thật, thiệt thòi ở chỗ này! Câu thứ hai là: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng sanh diệt*”. Vốn chẳng sanh diệt là Đại Bát Niết Bàn, đây là khát vọng tha thiết bất sanh bất diệt của tất cả các tôn giáo tại Ấn Độ thời cổ. Hiện tại, mỗi tôn giáo đều nói “*sống đời đời*” chính là ý nghĩa này. Có sống đời đời hay không? Có! Cái Ngã thật sự sẽ sống mãi, Giả Ngã có sanh tử, cái Ngã ấy là giả, chẳng thật! Quý vị hiểu rõ chuyện này sẽ rất thoải mái, thanh thoi, chẳng còn sợ hãi. Những thứ ấy là giả, mặc cho nó sanh diệt như thế, Chân Ngã vĩnh hằng bất diệt. Quý vị tìm lại cái thật này, đức Phật dạy chúng ta tìm cái thật. Đây là đại sư.

Ngài nói câu thứ ba rất hay: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ*”, trọn đủ gì vậy? Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói một câu nhằm căn dặn rõ ràng, Phật dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Đây là “*vốn tự trọn đủ*”. “*Như Lai*” là nói về tự tánh. Trong giáo pháp Đại Thừa, quý vị thấy nói Phật, nói Như Lai. Trong mười đại nguyện vương: “*Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai*”. Nói Phật là nói theo Tướng; nói Như Lai là nói theo Tánh, khác nhau ở chỗ này! Tướng là giả, Tánh là thật. Đây là chỗ khác nhau giữa hai danh từ này. Nói “*hết thấy chúng sanh đều có trí huệ của Như Lai*” chính là nói đến tự tánh. Trong tự tánh của quý vị có trí huệ, trí huệ viên mãn. Đó là gì? Sẵn có trong tự tánh, chẳng phải do học được. Trí huệ viên mãn, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể; đây là lời tán thán Thượng Đế của

các tôn giáo thông thường. Thượng Đế và thần chưa chắc có [những đặc tánh này], nhưng tự tánh thật sự có. Vì sao biết? Thượng Đế và thần cũng là chúng sanh trong lục đạo, thuộc thiên đạo. Họ vẫn chưa ra khỏi lục đạo, vẫn chưa thoát tam giới, vẫn là mê chẳng giác, phước báo lớn hơn chúng ta, trí huệ nhiều hơn chúng ta một chút, nhưng vẫn chưa đạt đến viên mãn rốt ráo! Tự tánh sẵn có trí huệ mới là viên mãn. Đây là gì? Khi nó ẩn, nhà Phật gọi là “*ẩn hiện*”, ẩn là gì? Ví như cái màn huỳnh quang của chúng ta trong hiện thời, nhấn nút tắt đi, hình ảnh gì cũng chẳng có! Đó là “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự sẵn đủ*”. Quý vị chẳng thể nói chúng không có. Vặn đúng băng tần, chúng bèn hiện tiền. Vặn đúng băng tần thì sao? “*Có thể sanh vạn pháp*”, chúng bèn hiện tiền. Lúc chẳng hiện tiền, chẳng thể bảo là không; khi hiện tiền, chẳng thể nói là có. Điều này được sách Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán giảng rất rõ ràng, quý vị chẳng thể nói nó là có. Đây là chân tướng sự thật, chúng ta nên hiểu rõ.

Ngài nói câu thứ tư: “*Nào ngờ tự tánh vốn chẳng lay động*”, như như bất động, đây là một mấu chốt quan trọng nhất trong tu hành. Quý vị tu gì? Nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu gì? Thừa quý vị, đều là tu Thiền Định, đều gọi là tam-muội. Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, Tam là Chánh, Muội là Định, [tam-muội] là Chánh Định. Vốn là Chánh Định, tâm quý vị vốn định, nay vì sao tâm loạn như thế? Loạn là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm vốn định, chưa hề bị dao động. Đó là năm câu nói của Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ. Sau khi nói ra năm câu này, Ngũ Tổ bảo: “Được rồi”, truyền y bát cho Ngài. Truyền cho Ngài rồi như thế nào? Bảo Ngài hãy đi cho nhanh, tìm nơi lánh nạn. Lánh nạn gì? Phải biết là xưa nay, trong ngoài, đó ky, chướng ngại ở đâu cũng chẳng tránh khỏi. Quý vị nói xem: Thần Tú đại sư ở đạo tràng của Nhẫn hòa thượng (tổ Hoàng Nhẫn) bao nhiêu năm, là một đồ đệ được mọi người kính ngưỡng nhất của Tổ; ai nấy đều cho rằng Ngũ Tổ truyền pháp, chắc chắn truyền cho Thần Tú, tại sao vô duyên vô cớ truyền cho người khác? Gã ấy trọn chẳng có ai biết đến, lại còn không biết chữ? Quý vị thấy ngài Huệ Năng đến núi Hoàng Mai làm gì suốt tám tháng? Giã gạo trong phòng chứa củi. Sư ở Hoàng Mai tám tháng, chưa từng vào Thiền đường, giảng đường cũng chẳng mò đến, chưa từng nghe kinh ngày nào, có sao Ngũ Tổ đem y bát truyền cho Ngài, ai phục? Chẳng ai phục, chắc chắn sẽ tìm Ngài gây sự, đoạt y bát về. Đây là chuyện nhỏ, chuyện lớn là có thể còn hại mạng Ngài nữa kia! Do vậy, Tổ bảo Ngài đi cho nhanh, Ngài lập tức cầm y bát đi ngay. Trón trong phường thợ săn mười lăm năm. Mười lăm năm ấy khiến mọi người dần dần quên đi chuyện này, Ngài mới ra mặt. Ra mặt, bèn gặp pháp sư Ấn Tông, Ấn Tông tuyệt lắm! Ngài Ấn Tông ở Lãnh Nam, nay chúng ta gọi vùng ấy là Quảng Đông, khi ấy, gọi là Lãnh Nam, sư Ấn Tông là bậc cao tăng, giảng kinh, thuyết pháp bậc nhất. Đạo tràng giảng kinh của Ngài nay ở Quảng Châu, chùa nào ở Quảng Châu? Gió động, hay phan động, lão hòa thượng Bốn Hoán làm Trụ Trì [chùa ấy]. Tôi không nhớ nổi chùa nào ở

Quảng Đông. Quang Hiếu Tự³, đúng rồi, chùa Quang Hiếu là nơi Sư giảng kinh Niết Bàn.

Lục Tổ rời khỏi phường thợ săn đến Quảng Đông, gặp đạo tràng như vậy, ngồi ở phía sau nghe kinh. Nghe hai vị xuất gia đang biện luận, một người nói: “Lá phan treo bên ngoài động”. Quý vị thấy lá phan đang lay động; người kia nói: “Chẳng phải là phan động, mà là gió động”. Hai vị tranh luận không ngớt, Ngài nói chen vào một câu, Ngài nói: “*Thưa nhân giả*”, hết sức khiêm hư, vô cùng khách sáo, “*nhân giả*” (仁者: đáng nhân từ) là tiếng gọi bậc Bồ Tát, là cách xưng hô tôn kính nhất, Ngài gọi họ là “*nhân giả*”. “*Chẳng phải là gió động, cũng chẳng phải là phan động*”, Ngài nói: “*Mà là tâm của nhân giả động*”. Khi nghe vậy, hết thảy mọi người bội phục năm vóc sát đất. Ấn Tông giảng xong, bước xuống bục giảng, gặp mặt Tổ, liền hỏi, ngày nay chúng ta thường gọi sự đối đáp này là Thiền Cơ. Pháp sư Ấn Tông hỏi: “*Nghe nói ngài Hoàng Mai về sau truyền pháp cho hành giả, có tên là Năng đại sư, chẳng lẽ là Ngài?*” Huệ Năng đại sư bèn thừa nhận. Sư bèn thỉnh cầu: “*Ngài hãy giở y bát ra cho chúng tôi xem*”. Y bát ấy là chứng minh, nhận đúng người rồi. Đối với kinh giáo, pháp sư Ấn Tông còn có chút vấn đề bèn thỉnh giáo đại sư, Ngài đều giải thích cho pháp sư. Sau đấy, Ấn Tông làm lễ xuống tóc xuất gia cho Tổ. Vì thế, Ấn Tông là thầy thế độ của Lục Tổ Huệ Năng đại sư. Nhưng sau khi xuống tóc, pháp sư Ấn Tông bái Tổ làm thầy, chuyện này chẳng phải là người thường [làm được]! Vị này là Phật hay Bồ Tát thị hiện, [nếu không], đâu có lòng độ lượng lớn như thế? Một vị cao tăng khắp vùng Lĩnh Nam ngay lập tức bái Tổ làm thầy, địa vị của Huệ Năng đại sư liền cao trời. Ngay lập tức nâng lên cao. Nếu không, Huệ Năng đại sư muốn đạt tới địa vị sâu xa như thế, tối thiểu phải mất mười năm, hai mươi năm, còn nay là được đề cao ngay. Do vậy, tôi nghĩ ngài Ấn Tông là Bồ Tát thị hiện, hai vị này thối kèn hòa tấu cho chúng ta xem, đâu phải là phàm nhân!

Năm câu nói ấy của Ngài mở rộng ra sẽ là kinh Hoa Nghiêm, từng câu, từng chữ trong kinh Hoa Nghiêm chẳng rời khỏi năm câu ấy! Do vậy, Huệ Năng đại sư chứng đắc cùng một cảnh giới với Thích Ca Mâu Ni Phật. Một vị dùng thân Phật, dùng thân phận Phật xuất hiện, phẩm Phổ Môn có nói: “*Nên dùng thân Phật để độ được, liền hiện*

3 Chùa Quang Hiếu ở thủ phủ Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông. Chùa này rất cổ, nơi này vốn là nhà cũ Triệu Kiến Đức, cháu nội của Nam Việt Vương Triệu Đà (cha của Trọng Thủy, bố chồng công chúa My Châu). Thời Tam Quốc, đô úy Ngu Phiên do bị Ngô Vương Tôn Quyền đày xuống Quảng Châu, đã mở rộng nơi này thành chỗ dạy học. Sau khi ông ta chết, người nhà sửa dinh thự của Ngu Phiên thành chùa, đặt tên là Ché Chỉ Tự. Mãi đến thời Đông Tấn, khi ngài Đàm Ma Da Xá sang Quảng Châu hoằng pháp, đã xây chánh điện rộng hơn. Đến đời Tống, chùa được đổi tên thành Báo Ân Quảng Giáo Tự. Đến niên hiệu Thiệu Hưng 21 (1151) đời Tống, mới đổi thành Quang Hiếu Tự và tên này dùng mãi đến hiện thời. Dưới đời Lương thời Nam Bắc Triều, sa môn Trí Dục của Ấn Độ đã trồng một cây Bồ Đề tại giới đàn của chùa này và huyền ký: “*Sau này sẽ có một vị nhục thân Bồ Tát thọ giới tại đây*”. Lời huyền ký này ứng nghiệm vào trường hợp tổ Huệ Năng.

thân Phật để thuyết pháp”. Ngài Huệ Năng ở Trung Quốc, nên dùng thân tỳ-kheo xuất hiện, liền hiện thân tỳ-kheo để thuyết pháp, chẳng khác gì nhau! Chúng ta phải biết điều này! Phật pháp bình đẳng, đây là pháp Nhất Thừa. Vì thế, Thiên Tông Trung Quốc là Nhất Thừa, nhưng Đại Thừa không nhất định [là Nhất Thừa]. Cổ đại đức bảo kinh Nhất Thừa chỉ có ba bộ là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng. Hết sức đáng tiếc là kinh Phạm Võng chẳng truyền sang Trung Quốc. Đó là một bộ kinh lớn, phân lượng chẳng khác kinh Hoa Nghiêm cho lắm. Chỉ có một phẩm được truyền sang Trung Quốc là Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm, tức Bồ Tát Giới, truyền mỗi mình phẩm này, hai quyển, chẳng thấy những phẩm khác. Kinh hoàn chỉnh là hai bộ Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Đối với kinh Pháp Hoa, vì sao có thể khẳng định là kinh Nhất Thừa? Kinh Nhất Thừa là thành Phật trong một đời. Trong phẩm Đề Bà của kinh Pháp Hoa có nói long nữ tám tuổi thành Phật; rồng là súc sanh. Long nữ tám tuổi, nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh trong cung rồng, cô ta nghe hiểu, giác ngộ, minh bạch. Chư vị phải biết: Nghe pháp khai giải, đoạn nghi sanh tín, lập tức thành tựu Hạnh môn. Hạnh môn là gì? Buông xuống! Quý vị thấy trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: Chỉ cần quý vị có thể buông ba thứ phiền não là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị liền thành Phật. Do vậy, chúng tôi tin rằng: Sau khi long nữ nghe hiểu, bèn buông xuống. Sau khi buông xuống, đến núi Linh Thứu gặp Thích Ca Mâu Ni Phật; sau khi lễ Phật liền hiện thân Phật, thành Đẳng Chánh Giác trong thế giới Vô Cấu ở phương Nam. Đây là kinh Pháp Hoa.

Chúng ta thấy cuối kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài viên chứng vô thượng Bồ Đề trong một đời, Ngài đắc Căn Bản Trí trong hội Văn Thù. Căn Bản Trí là gì? Nếu nói theo cách hiện thời cho dễ hiểu, sẽ là tâm thanh tịnh. Tâm quý vị thanh tịnh sẽ ra sao? Chẳng phải là giống như Huệ Năng đại sư sao? “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”, đó là Căn Bản Trí. Ngài buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đó gọi là gì? Đón đoạn, tức là đoạn ngay lập tức, Ngài bèn chứng đắc. Nay chúng ta hiểu điều này, nhưng không bỏ xuống được, vẫn đề ở chỗ này. Người ta thật sự buông xuống, không chỉ buông chấp trước xuống, buông phân biệt xuống, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng buông xuống. Buông xuống vọng tưởng là chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đây là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Do vậy, bèn gọi là kinh Nhất Thừa. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mười pháp giới chẳng còn; bởi lẽ, mười pháp giới là mộng cảnh, lục đạo là “mộng trong mộng”. Chúng ta buông xuống hết thấy chấp trước; nếu chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị bèn tỉnh thức, lục đạo chẳng còn, giống như tỉnh mộng. Tỉnh mộng rồi, sau khi tỉnh mộng, cảnh giới ấy sẽ là tứ thánh pháp giới, vẫn là một giấc mộng, nhưng trong giấc mộng ấy, phiền não [của tứ thánh pháp giới] nhẹ hơn chúng ta, chỉ là vọng tưởng, phân biệt. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, mộng cảnh cũng chẳng còn, tứ thánh pháp giới cũng chẳng có. Vì thế, nói: “*Hễ có hình tướng, đều là hư vọng*”, chẳng giả tí nào! Mười pháp giới không có, cảnh giới gì xuất hiện? Thế giới Hoa Tạng xuất hiện, thế giới Cực Lạc xuất hiện, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật. Những cõi ấy có thật hay không? So với chúng ta mà nói thì là thật, thế giới này của chúng ta thiên

biến vạn hóa. Vì thế, lúc ấy, tôi nghĩ không ra vấn đề này, biến như thế nào? Có sao biến đến mức chẳng có cùng tận? Tôi nghĩ tới lúc nhỏ chơi kính vạn hoa (kaleidoscope), bọn họ tìm rất nhiều kính vạn hoa cho tôi, mấy tấm giấy màu, đặt giữa ba miếng gương, quý vị xoay ống kính, vừa xoay thì các kết cấu hình thể (pattern) trong ấy chưa bao giờ trùng lặp. Do vậy, chúng ta học bộ Hoàn Nguyên Quán, thấy có câu: “*Sanh ra vô tận*”, dùng vật này (ống kính vạn hoa) có thể tượng trưng [nguyên lý ấy], đúng là sanh ra vô tận, chẳng giả! Điều gì thiên biến vạn hóa trong vũ trụ? Niệm làm chủ tể, ý niệm làm chủ tể, thuận theo ý niệm của quý vị mà dấy lên biến hóa, chuyện là như vậy đó. Do vậy, phải hiểu rõ chân tướng sự thật này!

Trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Mệnh đề này chính là điều các nhà khoa học truy cầu, triết học cũng truy cầu điều này, các nhà tôn giáo cũng truy cầu điều này, nhưng đều chưa thể nói rõ ràng. Vì sao họ chẳng nói rõ ràng? Nay chúng ta hiểu rõ, bọn họ vĩnh viễn chẳng thể nói rõ ràng, vì sao? Họ chưa đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chưa buông xuống được, hễ buông xuống sẽ thấu hiểu! Có những thứ [vọng tưởng, phân biệt, chấp trước] này, quý vị nghiên cứu thế nào đi nữa, đều cách một tầng chướng ngại, không có cách nào giải thích rõ ràng! Chỉ có buông xuống, trở về tự tánh. Vì sao? Những thứ này chẳng thật, hư huyền. Nếu quý vị không tin, quý vị có kinh nghiệm nằm mộng hay không? Có! Chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, mộng là thật hay giả? Thế gian này giống như nằm mộng; vì thế, trong kinh, đức Phật rất hay dùng mộng làm tỷ dụ. “*Mộng, huyền, bọt nước, bóng dáng*”, cái chủ yếu trong tỷ dụ này là mộng cảnh. “*Huyền, bọt nước, bóng dáng*” đều là những thứ phụ thuộc, chủ yếu là tỷ dụ này. Do vậy, trong kinh Kim Cang, đức Phật có một bài kệ vô cùng nổi tiếng nhằm dạy bảo chúng ta: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyền, bào, ảnh, như lộ, diệc như điện, ung tác như thị quán*” (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế). Đây là cái nhìn của đức Phật đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. “*Như lộ, diệc như điện*”, “*điện*” (電) là tia chớp, “*lộ*” (露) là sương buổi sớm, đây là hai tỷ dụ. “*Như điện*” là nói về một niệm, giống như tia chớp, [“*như lộ*”] là giọt sương mai, nó tồn tại một lúc, mặt trời mọc lên bèn bốc hơi, chẳng còn nữa! “*Bốc hơi*” là nói về tướng tương tục (nói tiếp liên tục); giống như trong điện ảnh, chúng ta thấy những hình ảnh trên màn bạc; hình ảnh là tương tương tục do các tấm phim được rọi sáng kết hợp thành, chẳng thật! Từ khoa học cận đại, chúng ta có thể hiểu rất rõ ràng, đâu có gì là thật? Tìm chẳng được thứ nào là thật! Nếu thật sự tìm được cái nào là thật, có thể nói là “vĩnh hằng không thay đổi”, tối thiểu phải là cõi Thật Báo.

Những vật trong thế giới Cực Lạc là vĩnh hằng, không có biến hóa, nhưng chúng cũng chưa phải chân thật rốt ráo. Vì sao? Kinh bảo cõi Thật Báo xuất hiện như thế nào? Đoạn hết vô minh, tuy đoạn sạch vô minh, nhưng tập khí vô minh hãy còn, chưa đoạn hết tập khí. Do vậy, cõi Thật Báo Trang Nghiêm do tập khí vô minh hiện, chẳng phải là vô minh. Thật sự đoạn hết vô minh nên chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Chẳng khởi

tâm, không động niệm, nhưng tập khí quá vi tế, không riêng gì chúng ta chẳng biết, A La Hán không biết, Bích Chi Phật cũng chẳng biết. Trong kinh, đức Phật dạy: Từ Thất Địa Bồ Tát trở xuống đều không biết, từ Bát Địa trở lên mới nhận biết, mới biết có thứ này tồn tại. Vì thế, ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng phải là nói về công phu tu hành thông thường, mà là nói về đoạn tập khí vô minh. Không có phương pháp đoạn tập khí vô minh, chỉ để cho nó mất dần, một thời gian lâu sau sẽ tự nhiên chẳng còn. Để giảng về thứ vô minh tập khí này, cổ nhân dùng tỷ dụ để nói; nếu không giảng rõ ràng, chúng ta cũng chẳng thể lãnh hội. Họ dùng bình rượu, bình rượu đựng rượu, đổ hết sạch rượu trong bình, lau sạch bên trong, quả thật chẳng có giọt rượu nào, nhưng vẫn ngửi thấy mùi rượu. Cái mùi ấy gọi là tập khí. Có cách nào để khử mùi? Không có phương pháp nào! Chỉ có cách mở toang nắp bình bỏ đó, để một năm hay nửa năm, sẽ chẳng còn ngửi thấy mùi nữa! Tập khí vô minh của chúng ta phải bao lâu mới hết? Ba A-tăng-kỳ kiếp. Quý vị đừng quan tâm đến nó, điều này gọi là “vô công dụng đạo”, quyết định chớ nên có ý niệm đoạn trừ nó. Hễ có ý niệm, vô minh sẽ tăng trưởng, khởi hiện hành. Không để ý tới nó là xong, chẳng còn chuyện ấy nữa!

Do vậy, trong cõi Thật Báo, quý vị chẳng khác gì Phật quả rốt ráo, chúng sanh hữu duyên trong mười phương thế giới hễ có cảm, quý vị bèn có ứng, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! Như vậy thì sau khi thành Phật, có phải là chẳng có Sự hay không? Không phải, Sự rất nhiều. Sự dẫu nhiều, quý vị chẳng cảm thấy mệt nhọc, có năng lực ứng phó. Vì sao? Trí huệ, thần thông, đạo lực toàn bộ hiện tiền. Quý vị có thể hiện vô lượng vô biên thân, tự tại lắm! Trăm ngàn ức hóa thân, nơi nào có cảm, nơi đó bèn có ứng, “*nên dùng thân nào để đắc đạo*” đều chẳng phải là ý nghĩ của chính mình, chính mình chẳng có ý nghĩ gì. Hễ chính mình có ý nghĩ, sẽ biến thành phàm phu. Chính mình chẳng có ý nghĩ gì, tự tánh khởi tác dụng. Do vậy, trong tánh đức, hiện thời chúng tôi đã đọc kinh Đại Thừa nhiều năm như thế, bèn hiểu rõ, đúng như Huệ Năng đại sư đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”. Cái trọn đủ thứ nhất trong tự tánh là trí huệ, trí huệ là gì? Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết) là tự tánh, là Tánh Đức, trọn hết thấy các chỗ. Sau khi mê, tự tánh biến thành A Lại Da. A Lại Da là trạng thái đang mê, kiến văn giác tri biến thành gì? Biến thành Thọ, Tướng, Hành, Thức, chúng ta có cảm nhận, có tư tưởng. Nói theo bát thức, cũng rất dễ nói: Kiến là nhãn căn khởi tác dụng, Văn là nhĩ căn khởi tác dụng; ngoài ra, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể cảm giác, ý có thể biết bèn khởi tác dụng. Tác dụng ấy do đâu mà có? Là Tánh Đức trong tự tánh, kiến văn giác tri là vốn có.

Thân thể có sanh diệt. Thọ, Tướng, Hành, Thức chẳng có sanh diệt. Vì thế, người đã chết, đã tắt thở, thần thức chưa có rời khỏi [xác thân], thần thức có Thọ, Tướng, Hành, Thức, lũ chúng ta gọi thần thức là “linh hồn”. Linh hồn có Thọ, Tướng, Hành, Thức, chuyện này phiền phức lắm! Nếu quý vị còn có oán hận, còn có đố kỵ, còn có chuyện gì phải trả thù, từ đây, đòi đòi kiếp kiếp oan oan tương báo chẳng xong! Chúng ta đọc bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân, trong phần đầu, Văn Xương Đế

Quân tự nói Ngài mười bảy đời làm sĩ đại phu⁴. Quý vị thấy Ngài mười bảy đời nhân quả báo ứng, thâm trầm lắm. Sau này, gặp được Phật pháp mới giác ngộ, mới hóa giải. Đau khổ ngàn ấy! Báo thù, đôi bên đều đau khổ, có gì phải vậy? Do vậy, dù trong nhãn quan của Phật, những hiện tượng này đều là hư huyền, hết như mộng cảnh, [nhưng phàm phu] ở trong mộng cảnh thật sự chịu khổ, thật sự có khổ, sướng, lo, mừng, xả. Sau khi tỉnh mới biết là trống không. Nay chúng ta đang nằm mộng, chưa tỉnh, khi nào có thể bỏ được chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn chấp trước nữa, tâm quý vị sẽ khôi phục sự thanh tịnh, tuy thanh tịnh nhưng còn chưa bình đẳng. Khôi phục thanh tịnh, lục đạo chẳng còn nữa! Lục đạo là nhiễm ô, trong tứ thánh pháp giới không có nhiễm ô, nhưng nó bất bình đẳng, vì có phân biệt. Không có chấp trước, nhưng có phân biệt, nên là bất bình đẳng. Nếu quý vị buông phân biệt, vọng tưởng xuống, bình đẳng giác sẽ hiện tiền. Buông phân biệt xuống sẽ bình đẳng, chẳng phân biệt sẽ bình đẳng, buông khởi tâm động niệm xuống bèn giác. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã dạy chúng ta ba giai đoạn trong Hạnh môn: Thanh tịnh, bình đẳng, giác. Tu điều gì? Tu những điều này, ba món này đều có sẵn trong tự tánh. Nay chúng ta mê mất tự tánh, nên mới sanh ra chướng ngại, đó là nghiệp chướng, chẳng biết chân tướng sự thật. Biết chân tướng sự thật, trọn khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, không phải là “một nhà”, mà là một Thể, chẳng hai, “*sanh Phật bất nhị*”. “*Sanh*” là chúng sanh, “*Phật*” là chư Phật, sanh - Phật bất nhị! Phật rất khiêm hư, đặt chúng sanh ở phía trước, nói chúng sanh trước rồi mới nói đến Phật, sanh Phật bất nhị! Những điều này đều là Tánh Đức lưu lộ.

Trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy Thiện Tài viên mãn Bồ Đề trong một đời, Ngài đắc Căn Bản Trí nơi Văn Thù Bồ Tát, chúng ta phải hiểu: Ngài đắc thanh tịnh tâm, đắc bình đẳng tánh, đã giác rồi. Cũng có nghĩa là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” như trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ Ngài đều đạt được, cũng có nghĩa là Ngài đã hoàn toàn buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đạt được “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Sau khi đạt được, bèn vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, vận dụng vào công việc, vì sao? Nhục thân vẫn ở trong thế gian này, vẫn chưa vứt bỏ thân thể này. Nói cách khác, quý vị vẫn phải sống, vẫn phải mặc áo, ăn cơm, vẫn phải làm việc. Do vậy, Ngài có thể vận dụng thanh tịnh, bình đẳng, giác trong cuộc sống, vận dụng vào công việc, vận dụng xử sự, đãi người, tiếp vật, là gì vậy? Chính là năm mươi ba lần tham học. Chúng ta từ sáng đến tối, coi những người quý vị tiếp xúc trong xã hội là năm mươi ba lần tham học. Ngài chia xã hội muôn hình muôn vẻ thành năm mươi ba loại. Quý vị vừa tiếp xúc, trí huệ bèn khởi tác dụng, đó gọi là Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là gì? Hậu Đắc Trí là Căn

4 “Sĩ đại phu” là danh xưng phẩm chỉ quan chức thời cổ, cũng như dùng để chỉ những thành phần trí thức có danh vọng và địa vị. Thoạt đầu, chữ Sĩ được dùng để gọi những bầy tôi của các vị khanh đại phu (quan chức cầm quyền lớn nhất thời Thương - Châu). Về sau, Sĩ thành danh từ chỉ chung những người có chức vị, và gọi gộp chung là Sĩ Đại Phu. Về sau, chữ Sĩ chỉ những người có học thức, có khí tiết, được dùng lẫn với khái niệm “quân tử”.

Bản Trí khởi tác dụng. Khởi tác dụng linh hoạt tốt bậc, chẳng khô cứng mà sống động, hoạt bát, mọi mặt viên dung, người Hoa nói là “*bát diện linh lung*” (tám mặt lóng lánh), đặc đại tự tại. Kinh Hoa Nghiêm nói “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”, cảnh giới này hiện tiền. Tới cuối cùng, quy vào đâu? Cuối cùng quy vào thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy khi Thiện Tài tham học, vị [thiện tri thức] thứ nhất, “*tiên nhập vi chủ*” (điều gì tiếp xúc trước sẽ thành chủ yếu), là tỳ-kheo Đức Vân. Tỳ-kheo Đức Vân tu gì? Tu Ban Châu tam-muội, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Điều này đúng là đã nói rõ Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Tu pháp môn Niệm Phật. Vị thầy đầu tiên mà! Vị thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị nhìn vào vị mở đầu và vị kết thúc, sẽ biết rõ Thiện Tài tu pháp môn gì. Thiện Tài là học trò ngoan của thầy! Văn Thù Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, Phổ Hiền Bồ Tát cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Học sinh theo thầy cùng nhau tu Tịnh Độ, học sinh ngoan!

Như vậy thì Tịnh Độ là kinh Vô Lượng Thọ; còn Hoa Nghiêm và Pháp Hoa tới cuối cùng quy vào đâu? Quy vào kinh Vô Lượng Thọ; do vậy, kinh Vô Lượng Thọ trở thành kinh đệ nhất, thật sự là kinh đệ nhất. Kinh Vô Lượng Thọ có bốn mươi tám phẩm, nếu chúng ta tiếp tục không ngừng truy tìm, phẩm nào là bậc nhất? Trong bốn mươi tám phẩm, kinh văn của phẩm nào là quan trọng nhất? Đương nhiên là phẩm thứ sáu. Phẩm thứ sáu do chính A Di Đà Phật nói, Thích Ca Mâu Ni Phật thuật lại cho chúng ta biết. Đây là A Di Đà Phật trong khi tu nhân đã phát ra bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện, trong bốn mươi tám nguyện này, nguyện nào quan trọng nhất? Cổ đại đức cho biết: Nguyện thứ mười tám. Nguyện thứ mười tám là “khi lâm chung, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc”, tuyệt quá! Như vậy thì thập phương tam thế hết thầy chư Phật Như Lai ứng hóa trong mười pháp giới và lục đạo của vô lượng vô biên các cõi Phật, dùng gì để giáo hóa, tiếp dẫn chúng sanh, giúp chúng sanh thành Phật trong một đời? Đều bằng pháp môn này. Nói cách khác, Tịnh Độ Tam Kinh, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là những kinh mà tất cả chư Phật Bồ Tát hóa độ lục đạo chúng sanh trong mười pháp giới nhất định phải giảng! Đây là phương thức độ chúng sanh chủ yếu của các Ngài, hết thầy các kinh giáo khác đều là kèm theo, còn những kinh này là chủ yếu nhất, chúng ta phải có nhận thức này. Vì sao giảng những kinh khác? Chúng sanh không tin Tịnh Độ, chẳng thể tiếp nhận, họ thích những thứ khác. Thích điều gì, tôi bèn giảng cho quý vị điều ấy. Giảng đến cuối cùng đều trở về đây, diệu tuyệt chẳng thể nghĩ bàn! Bất luận Tông Môn hay Giáo Hạ, quý vị thấy những đại đức trong Thiên Tông đến tuổi già chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh thế giới Cực Lạc. Trong Vãng Sanh Truyện có rất nhiều [trường hợp như vậy]; tông Hoa Nghiêm chẳng cần phải nói nữa! Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tông Thiên Thai, bản thân Trí Giả đại sư tu hành theo Quán Vô Lượng Thọ Kinh, [kinh này] còn gọi là Thập Lục Quán Kinh, Ngài vãng sanh thế giới Cực Lạc. Từ những tổ sư đại đức này, chúng ta bèn nhận ra pháp môn này và bộ kinh này đúng là Nhất Thừa.

“*Liễu nghĩa*” là gì? Dùng một câu trong Phật pháp để giải thích, “*cứu cánh hiển liễu*” (phơi bày rõ rệt đến tột cùng), “*hiển*” (顯) là minh hiển (sáng tỏ, rõ rệt), sáng tỏ đến tột cùng là “*liễu nghĩa*”. Ví như trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn*”, đây là ý nghĩa rõ rệt đến tột cùng. Khi mê gọi là “*phiền não*”, lúc giác ngộ gọi là Bồ Đề. Lúc mê có sanh tử, khi giác ngộ gọi là Niết Bàn; chỉ có mê hay ngộ. Trừ mê và ngộ ra, đích xác là hết thảy các pháp đều bất nhị. Trong quá khứ, chúng ta từng học pháp môn “*mười hai món Bất Nhị*” của tông Thiên Thai, đó là hiển liễu đến tột cùng. Liễu nghĩa, nói đơn giản nhất, sau khi chúng ta học xong sẽ hưởng thụ chân thật thì đó là “*liễu nghĩa*”. Nếu chẳng chân thật hưởng thụ, chẳng phải là liễu nghĩa! Chúng ta hỏi: Chúng ta học pháp môn này, mong có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, có thể chứng đắc quả vị vô thượng Bồ Đề, pháp môn này có đáp ứng những điều ấy hay không? Được chứ! Pháp môn này là liễu nghĩa, thật sự có thể giúp đỡ, thành tựu chúng ta. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy chưa thành Phật, nhưng cũng như đã thành Phật, người ấy thật sự gần như thành Phật, điều này do chính A Di Đà Phật nói. Trong bốn mươi tám nguyện có nói: Sanh về thế giới Cực Lạc “*giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát). Kinh Vô Lượng Thọ nói như thế, kinh Di Đà cũng dạy như thế, Quán Kinh cũng giảng như thế, ba kinh đều có câu này. A Duy Việt Trí là hạng Bồ Tát nào? A Duy Việt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*Bất Thoái Chuyển*”. Trong ba thứ Bất Thoái Chuyển, môn thứ nhất là Vị Bất Thoái, môn thứ hai là Hạnh Bất Thoái, môn thứ ba là Niệm Bất Thoái, chẳng tuyệt lắm sao? Nói thông thường, hàng Bồ Tát nào chứng đắc Tam Bất Thoái? Chúng ta nói theo nghĩa rộng thì minh tâm kiến tánh mới chứng đắc, [người như vậy] còn gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh giống như Huệ Năng đại sư đã chứng đắc. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo như kinh Hoa Nghiêm đã nói, vượt thoát mười pháp giới. Kẻ còn thuộc trong mười pháp giới chắc chắn chẳng thể [chứng đắc ba thứ Bất Thoái]. A La Hán thuộc trong mười pháp giới là Vị Bất Thoái, chẳng đạt được những thứ khác như Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái, chỉ có Vị Bất Thoái. Pháp Thân Bồ Tát mới thật sự trọn đủ ba món Bất Thoái này. Nói nghiêm ngặt, từ bậc Thất Địa trong Viên Giáo trở lên mới thật sự Bất Thoái, còn sao nữa? Đối với chuyện vãng sanh, kinh chẳng nói, chẳng bảo “*kẻ Hạ Hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư không thuộc vào trường hợp này!*” Chẳng nói câu ấy! Có nghĩa là: Chỉ cần sanh sang thế giới Cực Lạc, Hạ Hạ phẩm trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Phương pháp khó tin này, ai có thể tin tưởng?

Trong kinh cũng có tỷ dụ sau đây. Qua tỷ dụ, chúng ta có thể biết rõ các tin tức. Như người sanh vào thế gian này, vừa sanh ra liền hưởng tôn quý như đế vương, có thể đạt được phước báo lớn như thế hay không? Không được! Đâu có năng lực ấy! Nếu quý vị sanh trong nhà quốc vương, làm vương thái tử, há chẳng đạt được ư? Chẳng phải là không có, nhưng quá ít. Thế nhưng, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật là quốc vương, toàn bộ [nhân dân] đều là vương tử, quý vị hưởng phước của ai?

Phước của phụ vương. Do vậy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, kẻ Hạ Hạ phẩm vãng sanh đều được bốn nguyện gồm bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì, tu pháp môn khác chẳng có được điều này. Bất luận pháp môn nào khác đều chẳng có cách nói này, chỉ có Tịnh Độ Tam Kinh nói như thế! Vì thế, nói: Chúng ta được Phật gia trì, Phật lực gia trì. Trí huệ của Phật gia trì chúng ta, khiến trí huệ của chúng ta giống như trí huệ của Phật; công đức của Phật gia trì chúng ta, khiến công đức của chúng ta giống như Phật, phước báo của Phật gia trì chúng ta, khiến phước báo của chúng ta giống như Phật, mọi điều đều do lẽ này, chẳng phải do chính mình, chuyện là như vậy đó! Khi nào chính quý vị có năng lực này, không cần Phật gia trì nữa? Trong thế giới Cực Lạc, quý vị đã chứng đắc từ Thất Địa Bồ Tát trở lên sẽ không do Phật gia trì, [trí huệ, phước báo, công đức] là của chính mình. Trước khi đắc Thất Địa, tất cả đều do Phật lực gia trì. Điều này thù thắng khôn sánh, hy hữu khôn sánh, quý vị nói xem: Quý vị có thể chẳng chọn pháp môn này hay chẳng? Người chẳng học pháp môn này không ít, người nào vậy? Kẻ rất tự phụ, tự nghĩ mình ghê gớm lắm, không cam lòng, không bằng lòng làm con nuôi của A Di Đà Phật. Những kẻ này muốn tự lực. Được thôi! Quý vị cứ tà tà mà học! Quý vị phải đi theo một con đường rất dài, thật đấy! Nếu quý vị quyết theo A Di Đà Phật, quý vị rất may mắn, thành tựu rất nhanh! Đây là Nhất Thừa liễu nghĩa, câu này viết hay quá!

“*Vạn thiện đồng quy*”: Chữ “*vạn*” này không phải là con số, mà có nghĩa là viên mãn. Hết thấy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian quy vào đâu? Quy vào A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là gì? A Di Đà Phật là Tánh Đức, A Di Đà Phật là danh hiệu của tự tánh. Dịch theo văn tự, câu này là dịch âm từ tiếng Phạn, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật nghĩa là gì? Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng hai chữ để giải thích ý nghĩa [của danh hiệu] Phật: Một là Quang, hai là Thọ. Quang tượng trưng điều gì? Quang tượng trưng không gian, Thọ tượng trưng thời gian. Nay chúng ta nói “thời - không” (thời gian và không gian) thì trong “thời - không” đã bao hàm hết thấy thiện pháp đều chẳng lìa A Di Đà Phật. A Di là Vô Lượng, vô lượng quang, vô lượng thọ, hoàn toàn là tự tánh, là vạn thiện đồng quy. Quý vị niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật là niệm Nhất Thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy. Như chúng tôi vừa mới báo cáo đơn giản cùng quý vị: Một câu A Di Đà Phật bao quát toàn bộ vô lượng Phật hiệu được tuyên dương trong thập phương tam thế từ vô lượng kiếp đến nay. Một câu A Di Đà Phật triển khai thành bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện triển khai thành kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ triển khai thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, kinh Hoa Nghiêm triển khai thành hết thấy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm. A Di Đà Phật là tổng cương lĩnh, là tột đỉnh của hết thấy các pháp do hết thấy chư Phật Như Lai đã nói; nhận biết rõ ràng điều này chẳng dễ dàng đâu nhé! Tôi học Phật gần như ba mươi năm mới hiểu chuyện này, cảm thấy may mắn khôn sánh, vui mừng khôn sánh, cũng chẳng còn chao đảo nữa, chẳng hoài nghi nữa! Như thế thì tám chữ trong hai câu này đã nói trọn vẹn những điều đó!

Tiếp đó là “tam căn phổ bị, phàm thánh tề thâm”, đây là nói đến căn cơ tương ứng với pháp này, đối tượng được giáo hóa bởi pháp môn này. Tam căn là thượng trung hạ tam căn. Thượng căn là căn tánh Đại Thừa, trung căn là căn tánh Duyên Giác, hạ căn là căn tánh Thanh Văn, [trung căn và hạ căn] là căn tánh Tiểu Thừa. Toàn bộ ba thứ căn tánh đều có phần [trong pháp môn Tịnh Độ]. Thậm chí ngay cả kẻ chẳng biết chữ, chưa hề tiếp xúc học thuật thế gian hay xuất thế gian nào, người trong nước thường gọi hạng người ấy là “không có văn hóa”, mà nếu có thể tin, tin sâu xa chẳng nghi ngờ, nếu kẻ ấy thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, nhất định được vãng sanh. Trường hợp này rất nhiều, trong Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, hạng người như vậy tối thiểu chiếm hơn một phần ba. Do nguyên nhân nào? Vì sao hẳn nói với các ông già bà cả, họ bèn tin, còn phần tử tri thức chẳng tin? Tôi học Phật rất khó khăn, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi. Nếu tôi không học Triết Học với cụ, nếu cụ không giảng Triết Học trong kinh Phật, giảng môn này, tôi vĩnh viễn chẳng tiến vào cửa Phật, từ chỗ này mà nhận biết Phật giáo. Sau khi đã tiến vào Phật môn, lão cư sĩ Lý Bình Nam là học trò của Ấn Quang đại sư, là người hoằng truyền Tịnh Độ Tông, tôi học kinh giáo, học giảng kinh với cụ. Thoạt đầu, tôi hoài nghi pháp môn Tịnh Độ, nghĩ đây là pháp phương tiện của Thích Ca Mâu Ni Phật nhằm tiếp dẫn các bà già! Quan niệm [lệch lạc này] rất sâu, thành kiến rất sâu! Theo thầy Lý nhiều năm như thế, theo thầy mười năm, thầy rất miệng buốt lòng giới thiệu pháp môn này với tôi, tôi đọc [kinh sách Tịnh Độ] chẳng hoài nghi, không dám khi dễ, chẳng dám khinh mạn pháp môn này, cũng rất tôn trọng, nhưng chẳng có ý nghĩ muốn học, hứng thú đều đặt nơi kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm do thầy Phương giới thiệu thuở ấy có ảnh hưởng rất lớn đối với tôi!

Khi nào tôi mới tin tưởng Tịnh Độ? Cũng phải là khi đã học Phật được hai mươi năm, tôi bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm. Lúc ấy, mỗi tuần giảng ba ngày, mỗi ngày một tiếng rưỡi, không có máy thâu hình, ngay cả máy thâu âm cũng không có. Tôi giảng lần thứ nhất, hình như cũng giảng chẳng ít năm, giảng được phân nửa [bộ kinh]. Lúc đó, giảng Bát Thập Hoa Nghiêm và Tứ Thập Hoa Nghiêm cùng một lúc; cứ hai ngày giảng Bát Thập Hoa Nghiêm thì một ngày giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, giảng hai kinh cùng nhau. Giảng gần hơn phân nửa, có một hôm, bỗng nghĩ Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Do chưa giảng đến phần sau kinh, bèn lật phần sau ra xem, vừa mở phần sau ra xem, bèn sững sờ, có sao Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc? Lại xem kỹ phần nói về Thiện Tài đồng tử bèn thấy rõ. Quý vị thấy tôi giảng đến phân nửa, toàn là đọc theo kiểu “nuốt trọn quả táo”, chẳng phát hiện chuyện này! Thiện Tài kế thừa pháp mạch của thầy, là đệ tử nhập thất, là đệ tử truyền pháp của Văn Thù Bồ Tát, chẳng phải là người tầm thường; nếu thầy phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, học trò đâu có ngoại lệ? Do vậy, sau đó, tôi quay trở lại xem những phần đã giảng qua, xem lại. Khi ấy, tôi dùng bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, [tỳ-kheo Đức Vân được Tứ Thập Hoa Nghiêm] dịch là tỳ-kheo Cát Tường Vân, phần này tôi cũng đã giảng xong! Kinh nói rõ ràng Ngài tu Ban

Châu tam-muội, tôi cũng giảng rất rõ ràng, nhưng không liên kết Thiện Tài với pháp môn Niệm Phật, chẳng liên hệ đến phần trước. Khi đọc lại, liên kết với phần trước, mới biết chẳng sai tí nào, Thiện Tài chuyên tu pháp môn Niệm Phật; chúng ta nói Ngài niệm một câu Di Đà đến tận cùng!

Năm mươi ba lần tham học là chuyện như thế nào? Năm mươi ba lần tham học là học rộng nghe nhiều, chẳng trở ngại, đúng là Sự Sự vô ngại, pháp môn gì cũng đều tiếp xúc. Hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ, hiểu rõ là tăng trưởng trí huệ, là Hậu Đắc Trí, chẳng có gì không biết. Biết như thế nào? Đều tiếp xúc, đều hiểu rõ, chuyện gì cũng đều hiểu rõ, pháp nào cũng đều thông đạt, tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng thông, nhưng như thế nào? Như như bất động, một câu Di Đà niệm đến cùng; đối với Hạnh môn của chính mình, chẳng bị ảnh hưởng mây may. Đó là công phu định lực gì? Thành tựu viên mãn Định Huệ của chính mình! Không có sự từng trái này, làm sao biết Định Huệ thành tựu? Pháp môn gì cũng đều tiếp xúc, nhưng chẳng bị ảnh hưởng bởi pháp môn nào, đều không bị ảnh hưởng. Hai bữa nay, chúng ta nghe cư sĩ Lưu Tố Vân báo cáo, quý vị thấy bà ta pháp môn nào cũng đều tán thán “đều hay”, như vậy đó! Thiện Tài đồng tử giống như vậy, đối với chúng ta, không chỉ riêng các pháp môn trong Phật môn đều hay, mà các tôn giáo khác đều hay. Đã nhiều năm qua, tại các nơi trên thế giới, tôi làm công tác đoàn kết tôn giáo, mỗi tôn giáo đều hay, đều đáng tán thán, lễ kính. Tôi cũng đọc tụng kinh điển của họ, nhưng chẳng trở ngại niệm Phật. Càng tiếp xúc, càng hiểu rõ. Càng tiếp xúc, một câu A Di Đà Phật càng chẳng thể nghĩ bàn, thích hợp khắp ba căn, thâm tiếp phạm lãn thánh. Chúng ta là phạm nhân, Văn Thù, Phổ Hiền là thánh nhân, đều sanh về thế giới Cực Lạc.

“*Hoành siêu tam giới*”: Tám vạn bốn ngàn pháp môn được gọi là Thụ Xuất (thoát ra theo chiều dọc), tức là nâng cao lên từng bước một, giống như các địa vị của hàng Bồ Tát. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có năm mươi một địa vị, từ địa vị Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, tới Thập Địa là năm mươi địa vị; trên nữa là Đẳng Giác, trên nữa là địa vị Diệu Giác, còn gọi là địa vị Phật. Thụ xuất đấy! Pháp môn Tịnh Độ này không cần, [tiến lên từng bước như vậy] phiền quá, thời gian quá dài, hoành siêu! Nay chúng ta đang thuộc nhân đạo, không cần từ nhân đạo sanh lên thiên đạo. Thiên thì còn có hai mươi tám tầng trời, vượt lên từng tầng một, tốn công lắm! Từ ngay trong nhân đạo vượt ra theo chiều ngang (hoành siêu), trở về thế giới Cực Lạc, đó là “hoành xuất”, không cần phải trải qua những phiền phức như thế. Thật sự làm được! Chuyện này chẳng giả đâu! Trong cuộc đời này, tôi đã gặp mấy người niệm Phật vãng sanh, biểu diễn, thị hiện cho chúng ta thấy: Chẳng ngã bệnh, biết trước lúc mất, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh. Khoảng bốn mươi năm trước đây, Phật Quang Sơn thành lập học viện Đông Phương Phật Giáo, pháp sư Tinh Vân mời tôi làm chủ nhiệm giáo vụ, tôi ở trên núi ấy mười tháng. Trong thời gian ấy, nghe một công nhân dài hạn [kể chuyện]. Phật Quang Sơn công trình rất nhiều, suốt năm chẳng nghỉ ngơi, không ngừng xây cất, cho nên công nhân ở đó cũng làm việc cho Phật Quang Sơn nhiều năm. Buổi

tôi, tôi hướng dẫn một vài người học trò thảo luận Phật pháp, người công nhân ấy cũng tham dự, nói với chúng tôi: Năm ngoái, một bà cụ hàng xóm của ông ta niệm Phật, đứng vãng sanh. Ông ta bảo: “Thật đấy, chẳng giả tí nào!” Hôm ấy, chúng tôi nghe ông ta kể chuyện, hết sức hứng thú.

Bà cụ ấy tâm địa hết sức tốt, hết sức từ bi, cũng chẳng hiểu Phật pháp, đâm ra coi lạ thần như lạ Bồ Tát, ông Địa cũng là Bồ Tát, Thành Hoàng cũng là Bồ Tát, những loại Vương Gia Công⁵ mà dân gian thờ cúng, cụ đều nghĩ là Bồ Tát. Ba năm trước, cụ cưới dâu, con dâu học Phật, hiểu Phật pháp, liền khuyên mẹ chồng chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyên lạ Tây Phương Tam Thánh, những vị thần khác đều thỉnh đi, Bồ Tát đều thỉnh đi. Bà mẹ chồng này hiếm có, nghe lời con dâu khuyên bảo, thật sự làm, chỗ nào cũng không tới; bình thường hễ miếu nào có lễ hội đều tham gia, cụ không đi nữa, ở nhà niệm Phật, trong nhà lập Phật đường, [tụng niệm] ba năm. Đến một tối nọ, đến bữa cơm tối, cụ dặn dò con trai, con dâu; con trai, con dâu vô cùng hiếu thuận, cụ bảo: “Các con dùng cơm trước, mẹ đi tắm”. Thật ra, cả nhà đợi cụ, đợi thật lâu chẳng thấy cụ ra. Tới phòng tắm, coi cụ đã tắm xong chưa, gọi chẳng thấy ai trả lời. Tới Phật đường, thấy cụ mặc áo tràng chỉnh tề, tay cầm chuỗi, đứng trước tượng Phật, gọi chẳng thấy cụ trả lời, tới nhìn kỹ, cụ đã vãng sanh rồi. Hàng xóm đều đến xem, cụ đứng mất! Chúng tôi nghĩ: Có lẽ cụ chẳng báo cho người nhà biết; cho người nhà biết, sợ họ sẽ ngăn trở, cụ chẳng thể tự tại đường ấy. Đúng là tự tại, tiêu sái ra đi, chính mắt ông ta trông thấy, chẳng giả. Vị công nhân dài hạn ấy đã giảng cho chúng tôi nghe một bài học do chính mắt ông ta thấy.

Khi tôi đến Hương Cảng giảng kinh, chúng tôi nghe băng thâu âm lời khai thị trong Phật Thất của pháp sư Đàm Hư, tôi nghe thấy lão nhân gia giảng rất nhiều. Sau đó, qua tác phẩm Ảnh Trần Hồi Ưc Lục [biết thêm nhiều chuyện vãng sanh], đây là truyện ký về lão nhân gia do Ngài kể, học trò Ngài là pháp sư Đại Quang ghi chép. Chúng tôi cũng hết sức thân thiết với ngài Đại Quang, Sư vãng sanh chắc cũng đã mười năm rồi. Ba mươi năm trước, ở Hương Cảng, chúng tôi thường ở chung một chỗ. Văn tài của Sư hết sức hay, Ảnh Trần Hồi Ưc Lục do Sư viết, toàn là chuyện thật. Gần đây nhất, chừng ba năm trước đây, ở Thâm Quyển có cư sĩ Hoàng Trung Xương ba mươi mấy tuổi, nghe tôi giảng kinh, nghe nói từ xưa tới nay người thật sự niệm Phật khoảng chừng ba năm công phu thành tựu bèn vãng sanh. Trong quá khứ, đã từng có mấy vị pháp sư hỏi tôi, bọn họ thấy những trường hợp ấy, bèn nói: Có phải là những người vãng sanh ấy thọ mạng vừa đúng ba năm là hết [nên vãng sanh sau ba năm niệm Phật] đó chẳng? Tôi nghĩ nói kiểu này chẳng hợp lý, thỉnh thoảng có một hai người thì được, chứ nhiều người như vậy sẽ chẳng hợp với lý luận, không hợp la-tập (logic). Vì sao

⁵ Vương Gia Công là tiếng dân gian gọi chung các vị thần thánh của Đạo Giáo hay thần thánh theo tín ngưỡng cổ của dân gian.

vãng sanh? Người ấy công phu đã thành phỉến. Chỉ cần công phu thành phỉến, quý vị muốn ra đi lúc nào cũng được! Muốn đi thì đi; muốn ở lại cũng được! Ở lại thế gian này là do có nhiệm vụ, có sứ mạng, làm cho người khác thấy. Nếu chẳng có duyên phận với thế gian này, người ấy đã ra đi. Lúc ấy, cư sĩ Hoàng Trung Xương bé quan tại Thâm Quyển ba năm, ông ta nghĩ: “Hãy thử xem, cô nhân ba năm có thể thành tựu. Xem ta có đúng ba năm thật sự thành tựu hay không?” [Bé quan niệm Phật] hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng, ông ta biết trước lúc mất, thật sự ra đi, chẳng ngã bệnh. Khi hỏa táng, lưu lại xá-lợi, nay xá-lợi vẫn còn thờ ở nơi ấy, làm một cái tháp nhỏ đặt ở đó. Nêu gương cho chúng ta, thật đấy, chẳng giả đâu!

Tin thật, nguyện thiết tha, không ai chẳng thành tựu, đừng bỏ lỡ cơ hội! Từ vô lượng kiếp đến nay sanh tử luân hồi trong lục đạo, khổ chẳng thể nói được! Suốt đời này quý vị gặp cảnh khổ vẫn chưa phải là Đại Khổ. Trong quá khứ, quý vị từng ném mùi địa ngục, ném mùi ngạ quỷ, ném mùi súc sanh, cũng đã từng làm thân trời; nếu nghĩ đến nỗi khổ trong tam đồ, quý vị còn muốn ở đây để làm gì nữa? Nếu chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, nói cách khác, đối với bất cứ ai, cũng dám chắc là thời gian trong tam đồ lâu dài, thời gian trong nhân thiên ngắn ngủi. Vì sao? Chúng ta học Pháp Tướng Duy Thức bèn biết: Trong A Lại Da thức, đối với Tương Ứng Tâm Sở, Thiện Tâm Sở chỉ có mười một món, Ác Tâm Sở có hai mươi sáu món, chứng tỏ trong tập khí của quý vị, thiện ít, ác nhiều. Giáo dục của cô thánh tiên hiền chẳng có dụ dỗ, mê hoặc. Sự dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài hiện thời toàn là giết, trộm, dâm, dối, toàn là bạo lực, tình dục, còn gì nữa đâu? Thế giới ngày nay vì sao loạn? Tai nạn vì sao nhiều? Nguyên nhân là như vậy. Quý vị còn có thể không vãng sanh ư? Thật sự giác ngộ, phát tâm đại từ bi, trụ nơi đây thêm vài năm nữa, chịu tội thêm một chút, mong mang thêm một ít người cùng đi, đấy là sứ mạng. Có người tiếp nhận, có người nghe lọt tai, có người tin tưởng thì chúng ta vẫn phải làm, một người cũng chẳng bỏ, tới lúc công đức viên mãn, tự nhiên ra đi. Ra đi cũng thị hiện rất tốt đẹp cho mọi người thấy, giống như ông Hoàng Trung Xương, giống như bà cụ niệm Phật ở Đài Nam. Dù bà cụ suốt đời cũng không biết giảng kinh, cũng chẳng biết hoằng pháp, sự biểu hiện của cụ đã độ bao nhiêu người, khiến cho bao nhiêu người dấy lên lòng tin, khiến cho bao nhiêu người hóa giải nỗi hoài nghi đối với Tịnh Độ. Đây là Tác Chứng Chuyển trong Tam Chuyển Pháp Luân; nay mọi người đòi hỏi chứng cứ, bèn tạo chứng cứ cho quý vị xem.

“*Kính đặng tứ độ*”, “*kính*” (逕) là nhanh chóng, “*tứ độ*” là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ và Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức đặc thù. Trong các thế giới khác của chư Phật, tứ độ có giới hạn, chẳng ở cùng một chỗ. Thế giới Sa Bà này là báo độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, tứ độ chẳng cùng một chỗ. Chúng ta chỉ là nhân đạo trong lục đạo, nhân đạo là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, có Phật, Bồ Tát ở trên địa cầu hay không? Có chứ! Nhưng phàm phu chúng ta chẳng thấy các Ngài, người có duyên phận đặc biệt sẽ đôi khi thấy, các Ngài cũng không cho quý vị thường thấy. Đâu Suất Thiên là Phạm

Thánh Đồng Cư Độ; trời Đâu Suất có nội viện và ngoại viện. Ngoại viện là phạm phu, phạm phu chẳng thấy Bồ Tát trong nội viện, thật sự có chướng ngại! Nhưng trong thế giới Cực Lạc không có chướng ngại này, bốn cõi không có giới hạn, đều ở cùng một chỗ. Do vậy, người vãng sanh Hạ Hạ phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể thấy Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền trong cõi Thật Báo, đều có thể trông thấy. Không chỉ trông thấy, mà mỗi ngày còn học cùng một chỗ, cùng nghe A Di Đà Phật giảng kinh, mỗi ngày cùng học tập một chỗ, duyên này tìm ở đâu ra? Thông thường, không phải cùng một tầng lớp, sẽ chẳng thể ở chung một chỗ. Như bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm đúng là giống như chúng ta học tập trong nhà trường: Quý vị thuộc lớp Một, hết thấy mọi người trong phòng học đều là lớp Một, không có cách nào chuyển sang phòng học của lớp Hai, tình hình như thế đó! Theo kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ Bồ Tát chẳng thấy Nhị Trụ, nhưng Nhị Trụ có thể thấy Sơ Trụ, Sơ Trụ chẳng thấy Nhị Trụ; nhưng thế giới Cực Lạc là bình đẳng, giống như là học sinh của năm mươi một lớp học đều cùng một chỗ. Tôi dùng tỷ dụ này, có lẽ mọi người hiểu được, học cùng một phòng học, quý vị hoàn toàn thấy được.

Vì thế, sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh trọn bốn cõi, các cõi ấy ở cùng một chỗ, trong ấy chẳng có chướng ngại. Nay chúng ta nói không gian duy thứ (chiều không gian, spatial dimensions), Cực Lạc không có không gian duy thứ, đều thấy hết. Không chỉ có chỗ tốt đẹp này, mà sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị mỗi ngày có năng lực đi lạy vạn Phật. Chữ “vạn” này không phải là con số, mà [có nghĩa] là vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Quý vị có thể tới thân cận, cúng dường các vị Phật. Cúng dường là gì? Tu phước, nghe Phật thuyết pháp, khai trí huệ. Ở đây, chúng ta tìm một vị thầy tốt đẹp không ra, tới thế giới Cực Lạc, mỗi ngày bèn có vô lượng vô biên chư Phật thuyết pháp cho quý vị. Đi bằng cách nào? Hóa thân tới, thân của quý vị đang ở trước mặt A Di Đà Phật chẳng động, phân thân đi. Quý vị có thể phân ra vô lượng vô biên thân. Quý vị thấy trong kinh Di Đà, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng rất rõ ràng: Mỗi ngày cúng dường mười vạn ức Phật. “Mười vạn ức” là biểu thị pháp, vì thế giới Sa Bà cách thế giới Cực Lạc mười vạn ức cõi Phật, nghĩa là gì? Quý vị tới thế giới Cực Lạc, mỗi ngày đều có thể trở về thăm [Sa Bà], mang ý nghĩa như vậy. Chẳng phải là quý vị còn có tình chấp đối với thế giới này ư? Cha mẹ, thầy, người nhà, quyến thuộc trong đời đời kiếp kiếp ở tại thế giới này, chẳng muốn tách rời, mỗi ngày đều có thể thấy họ, dụng ý ở chỗ này! Trên thực tế, không phải chỉ có vậy, đâu phải chỉ mười vạn ức! Cho thấy [người trong Cực Lạc] có đại thần thông. Tôn Ngộ Không trong Tây Du Ký mới có bảy mươi hai phép biến hóa, hẳn còn kém lắm. Long trên khắp người hẳn, một sợi lông có thể biến thành một tiểu Tôn Ngộ Không, vẫn là có hạn lượng! Đến thế giới Cực Lạc, phân thân không có số lượng. Do vậy, sanh sang thế giới Cực Lạc là sanh vào hết thấy các cõi Phật, trong các pháp môn khác không có điều này. Quý vị nói có thù thắng lắm hay không?

“Cực viên cực đốn, bất khả tư nghị chi vi diệu pháp môn”, chẳng giả tí nào! Quý vị nói xem: Đòi này gặp gỡ pháp này, được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, gặp được Hoa Nghiêm, gặp Vô Lượng Thọ, phước báo đã viên mãn, đâu có phước báo nào to lớn như thế! Đâu may mắn như thế! Hoàn toàn đạt được. Nếu quý vị chẳng biết quý trọng, sẽ là ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ! Con người sống chẳng phải một đời, mà là đời đời kiếp kiếp, điều gì tiếc nuối lớn nhất? Đây là tiếc nuối lớn nhất, không có gì tiếc nuối hơn nữa! Gặp cơ hội tốt như vậy, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ! Thời Càn Long, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói, vị cư sĩ này cũng rất phi phàm, ông ta nói: Pháp môn Tịnh Tông là “*một ngày khó thể gặp gỡ từ vô lượng kiếp đến nay*”, [thế mà] quý vị đã gặp. Nói như bây giờ, Bành Tế Thanh là con em quan chức cao cấp, cha ông ta là Binh Bộ Thượng Thư của hoàng đế Càn Long, tức bộ trưởng Quốc Phòng. Vì vậy, gia thế tốt đẹp, là người thông minh, chưa đầy hai mươi tuổi đã đậu Tiến Sĩ, phải biết là [ông ta thi đậu] năm mười chín tuổi, chưa được hai mươi, [nếu đủ] hai mươi tuổi sẽ làm lễ Gia Quan (bớt tóc lên, đội mũ). Suốt đời chẳng làm quan, học Phật, hoàn cảnh gia đình tốt đẹp, học Phật đúng là học đến nơi đến chốn, Tông, Giáo, Hiền, Mật viên dung, là đại cư sĩ, đại đức thời ấy. Đến chỗ này là một đoạn.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo, “*nhi kỳ trung chi Vô Lượng Thọ kinh giả, nãi Tịnh Độ quán kinh chi thủ yếu, Tịnh tông đại đức thường xưng vi Tịnh Độ đệ nhất kinh dã*” (nhưng trong ấy, kinh Vô Lượng Thọ chính là kinh đứng đầu, chủ yếu trong các kinh Tịnh Độ, các bậc đại đức trong Tịnh Tông thường gọi kinh này là kinh Tịnh Độ bậc nhất). Không chỉ là kinh đứng đầu, chủ yếu trong các kinh Tịnh Độ, chúng ta có thể nói theo cách như thế này: Kinh này là kinh đứng đầu, cốt yếu của cả Đại Tạng Kinh. Do vậy, từ xưa tới nay, trải qua các triều đại, đặc biệt là các vị đại đức thời Tùy - Đường, kinh này được gọi là “*Tịnh Độ đệ nhất kinh*”. Luận theo phương diện thời gian phiên dịch, Tịnh Độ Tông truyền đến Trung Quốc, bộ kinh [Tịnh Độ] được phiên dịch đầu tiên là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà và Quán Kinh được dịch về sau này. Kinh này được dịch sớm nhất vào đời Hán, lúc vừa được truyền tới, nhằm thời ngài An Thế Cao. Thật đấy, chẳng giả đâu! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.